**ESHOOLINK**

**UseCase Specification**

**Revision History**

| **Date** | **Version** | **Description** | **Author** |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | | |
| 06/07/2010 | 1.0 | New | Le Huu Tai |
| 09/07/2010 | 2.0 | Update | Le Huu Tai |
| 11/07/2010 | 3.0 | Update | Le Huu Tai |
|  |  |  |  |

1. Module quản lý hệ thống
2. Mô tả

* Module này cho phép người quản lý thực hiện các chức năng như quản lý nhóm, quản lý tài khoản , quản lý việc phân quyền , ủy quyền , quản lý cơ sở dữ liệu …

1. Chức năng của hệ thống (Mô hình usecase tổng quát)



1. Các chức năng chi tiết và mô tả
   1. Đăng nhập

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** | ND\_UC\_01 |
| **Tên usecase** | Đăng nhập |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** | Người dùng |
| **Mô tả** | Usecase này cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống |
| **Điều kiện đầu vào** | Người dùng phải nhập username và password |
| **Kết quả đầu ra** | Người dùng đăng nhập được vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
| 1. Vào mục “Đăng nhập” của hệ thống | 1. Hiển thị trang đăng nhập |
| 1. Nhập username và password |  |
| 1. Nhấn nút “Đăng nhập” | 1. Kiểm tra thông tin đã nhập . Nếu username tồn tại trong hệ thống , kiểm tra password có trùng với password trong hệ thống hay không    * + Nếu trùng , hệ thống chuyển sang trang chủ quản lý.      + Nếu không trùng , hệ thống hiển thị thông báo lỗi,yêu cầu người dùng nhập lại |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  | Nếu username không tồn tại trong hệ thống , hệ thống hiển thị thông báo lỗi,yêu cầu người dùng nhập lại. |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** | Không |
| **Extends** | Không |

**Thông tin đăng nhập**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | Username | Text | Tên đăng nhập của người dùng |
| 2 | Password | Text | Mật khẩu của người dùng |
| 3 | Đăng nhập | Button | Đăng nhập vào hệ thống |

* 1. Quản lý nhóm
     1. Thêm nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** | QL\_QLN\_01 |
| **Tên usecase** | Thêm nhóm |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Mô tả** | Usecase này cho phép thêm một nhóm người dùng mới vào hệ thống |
| **Điều kiện đầu vào** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống với quyền quản trị |
| **Kết quả đầu ra** | Thêm một nhóm người dùng vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
| 1. Chọn mục “Quản lý nhóm” | 1. Hiển thị trang Quản lý nhóm |
| 1. Chọn mục “Thêm nhóm” | 1. Hiển thị form “Thêm nhóm” |
| 1. Nhập các thông tin của nhóm muốn tạo mới |  |
| 1. Nhấn nút “Thêm nhóm” | 1. Kiểm tra thông tin nhập vào đã đầy đủ và hợp lệ chưa , nếu thỏa mãn các yêu cầu,hệ thống sẽ thêm một nhóm mới xuống cơ sở dữ liệu |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  | Nếu thông tin nhập vào chưa đầy đủ và hợp lệ , hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại chính xác. |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** | Không |
| **Extends** | Không |

**Thông tin chức năng thêm nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | Tên nhóm | Text | Tên nhóm muốn tạo mới |
| 2 | Ghi chú | Textfield | Những ghi chú của nhóm muốn tạo |
| 3 | Hình ảnh nhóm | File | Chọn hình ảnh đại diện của nhóm |
| 4 | Thêm nhóm | Button | Thêm một nhóm về hệ thống |

* + 1. Sửa nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** | QL\_QLN\_02 |
| **Tên usecase** | Sửa nhóm |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Mô tả** | Usecase này cho phép sửa thông tin một nhóm người dùng trên hệ thống |
| **Điều kiện đầu vào** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống với quyền quản trị |
| **Kết quả đầu ra** | Cập nhật thông tin nhóm người dùng thành công |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
| 1. Chọn mục “Quản lý nhóm” | 1. Hiển thị trang Quản lý nhóm |
| 1. Chọn một nhóm trong danh sách nhóm |  |
| 1. Nhấn nút “Sửa nhóm” | 1. Hiển thị thông tin của nhóm cần sửa |
| 1. Cập nhật những thông tin cần chỉnh sửa của nhóm | 1. Kiểm tra thông tin chỉnh sửa đã đầy đủ và hợp lệ chưa , nếu thỏa mãn các yêu cầu,hệ thống sẽ cập nhật thông tin nhóm xuống cơ sở dữ liệu |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  | Nếu thông tin nhập vào chưa đầy đủ và hợp lệ , hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại chính xác. |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** | Không |
| **Extends** | Không |

**Thông tin chức năng sửa nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | Tên nhóm | Text | Tên nhóm muốn sửa |
| 2 | Ghi chú | Textfield | Những ghi chú của nhóm muốn sửa |
| 3 | Hình ảnh nhóm | File | Chọn hình ảnh đại diện của nhóm |
| 4 | Cập nhật | Button | Cập nhật thông tin nhóm |

* + 1. Xóa nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** | QL\_QLN\_03 |
| **Tên usecase** | Xóa nhóm |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Mô tả** | Usecase này cho phép xóa một nhóm người dùng trên hệ thống |
| **Điều kiện đầu vào** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống với quyền quản trị |
| **Kết quả đầu ra** | Xóa một nhóm người dùng thành công |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
| 1. Chọn mục “Quản lý nhóm” | 1. Hiển thị trang Quản lý nhóm |
| 1. Chọn một nhóm trong danh sách nhóm |  |
| 1. Nhấn nút “Xóa nhóm” | 1. Hiển thị thông báo có chắc chắn muốn xóa hay không. |
| 1. Nếu đồng ý xóa | 1. Xóa một nhóm khỏi hệ thống, và những thành viên thuộc nhóm bị xóa sẽ được chuyển sang nhóm mặc định. |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
| * 1. Nếu hủy việc xóa | * 1. Trở về trang quản lý nhóm |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** | Không |
| **Extends** | Không |

**Thông tin chức năng xóa nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | Tên nhóm | Text | Tên nhóm muốn tạo mới |
| 2 | Ghi chú | Textfield | Những ghi chú của nhóm muốn tạo |
| 3 | Hình ảnh nhóm | File | Chọn hình ảnh đại diện của nhóm |
| 4 | Xóa nhóm | Button | Xóa một nhóm khỏi hệ thống |

* 1. Quản lý người dùng
     1. Thêm người dùng

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** | QL\_QLND\_01 |
| **Tên usecase** | Thêm người dùng |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Mô tả** | Usecase này cho phép thêm một người dùng mới vào hệ thống |
| **Điều kiện đầu vào** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống với quyền quản trị |
| **Kết quả đầu ra** | Thêm một người dùng vào hệ thống |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
| 1. Chọn mục “Quản lý người dùng” | 1. Hiển thị trang Quản lý người dùng |
| 1. Chọn mục “Thêm người dùng” | 1. Hiển thị form “Thêm người dùng” |
| 1. Nhập các thông tin của người dùng muốn tạo mới |  |
| 1. Nhấn nút “Thêm người dùng” | 1. Kiểm tra thông tin nhập vào đã đầy đủ và hợp lệ chưa , nếu thỏa mãn các yêu cầu,hệ thống sẽ thêm một người dùng mới xuống cơ sở dữ liệu |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  | Nếu thông tin nhập vào chưa đầy đủ và hợp lệ , hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại chính xác. |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** | Không |
| **Extends** | Không |

**Thông tin chức năng thêm nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | Tên đăng nhập | Text | Tên tài khoản muốn tạo |
| 2 | Mật khẩu | Text | Mật khẩu người dùng |
| 3 | Xác nhận mật khẩu | Text | Nhập mật khẩu lần 2 |
| 4 | Tên giáo viên | List | Danh sách các giáo viên trong hệ thống |

* + 1. Sửa thông tin người dùng

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** | QL\_QLN\_02 |
| **Tên usecase** | Sửa thông tin người dùng |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Mô tả** | Usecase này cho phép sửa thông tin một người dùng trên hệ thống |
| **Điều kiện đầu vào** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống với quyền quản trị |
| **Kết quả đầu ra** | Cập nhật thông tin người dùng thành công |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
| 1. Chọn mục “Quản lý người dùng” | 1. Hiển thị trang Quản lý người dùng |
| 1. Chọn một người dùng trong danh sách người dùng |  |
| 1. Nhấn nút “Sửa thông tin” | 1. Hiển thị thông tin của người dùng cần sửa |
| 1. Cập nhật những thông tin cần chỉnh sửa của người dùng | 1. Kiểm tra thông tin chỉnh sửa đã đầy đủ và hợp lệ chưa , nếu thỏa mãn các yêu cầu,hệ thống sẽ cập nhật thông tin người dùng xuống cơ sở dữ liệu |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  | Nếu thông tin nhập vào chưa đầy đủ và hợp lệ , hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu người dùng nhập lại chính xác. |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** | Không |
| **Extends** | Không |

**Thông tin chức năng sửa nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | Tên đăng nhập | Text | Tên tài khoản muốn tạo |
| 2 | Mật khẩu | Text | Mật khẩu người dùng |
| 3 | Xác nhận mật khẩu | Text | Nhập mật khẩu lần 2 |
| 4 | Tên giáo viên | List | Danh sách các giáo viên trong hệ thống |

* + 1. Xóa người dùng

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** | QL\_QLND\_03 |
| **Tên usecase** | Xóa người dùng |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** | Quản lý |
| **Mô tả** | Usecase này cho phép xóa một nhóm người dùng trên hệ thống |
| **Điều kiện đầu vào** | Người dùng đăng nhập vào hệ thống với quyền quản trị |
| **Kết quả đầu ra** | Xóa một nhóm người dùng thành công |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
| 1. Chọn mục “Quản lý người dùng” | 1. Hiển thị trang Quản lý người dùng |
| 1. Chọn một người dùng trong danh sách người dùng |  |
| 1. Nhấn nút “Xóa người dùng” | 1. Hiển thị thông báo có chắc chắn muốn xóa hay không. |
| 1. Nếu đồng ý xóa | 1. Xóa một người dùng khỏi hệ thống |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
| * 1. Nếu hủy việc xóa | * 1. Trở về trang quản lý nhóm |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** | Không |
| **Extends** | Không |

**Thông tin chức năng xóa nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
| 1 | Tên đăng nhập | Text | Tên tài khoản muốn tạo |
| 2 | Mật khẩu | Text | Mật khẩu người dùng |
| 3 | Xác nhận mật khẩu | Text | Nhập mật khẩu lần 2 |
| 4 | Tên giáo viên | List | Danh sách các giáo viên trong hệ thống |

* 1. Phân quyền nhóm

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** | QL\_PQN\_01 |
| **Tên usecase** |  |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** |  |
| **Mô tả** |  |
| **Điều kiện đầu vào** |  |
| **Kết quả đầu ra** |  |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** |  |
| **Extends** |  |

**Thông tin phân quyền nhóm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
|  |  |  |  |

* 1. Ủy quyền

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** |  |
| **Tên usecase** |  |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** |  |
| **Mô tả** |  |
| **Điều kiện đầu vào** |  |
| **Kết quả đầu ra** |  |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** |  |
| **Extends** |  |

**Thông tin chức năng ủy quyền**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
|  |  |  |  |

* 1. Sao lưu dữ liệu

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** |  |
| **Tên usecase** |  |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** |  |
| **Mô tả** |  |
| **Điều kiện đầu vào** |  |
| **Kết quả đầu ra** |  |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** |  |
| **Extends** |  |

**Thông tin chức năng sao lưu dữ liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
|  |  |  |  |

* 1. Phục hồi dữ liệu

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** |  |
| **Tên usecase** |  |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** |  |
| **Mô tả** |  |
| **Điều kiện đầu vào** |  |
| **Kết quả đầu ra** |  |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** |  |
| **Extends** |  |

**Thông tin chức năng phục hồi dữ liệu**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
|  |  |  |  |

* 1. Lưu vết người dùng

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã usecase** |  |
| **Tên usecase** |  |
| **Mô tả** | |
| **Tác nhân** |  |
| **Mô tả** |  |
| **Điều kiện đầu vào** |  |
| **Kết quả đầu ra** |  |
| **Luồng sự kiện** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Luồng sự kiện khác** | |
| **Tác nhân (user)** | **Hệ thống** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  | |
| **Uses** |  |
| **Extends** |  |

**Thông tin chức năng lưu vết người dùng**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên trường** | **Kiểu dữ liệu** | **Mô tả** |
|  |  |  |  |